KINH TẾ NGẦM VÀ VỊ TRÍ CỦA NÓ TRONG NỀN KINH TẾ QUỐC DÂN

TS Nguyễn Văn Minh

Đặt vấn đề

Kinh tế ngầm là khái niệm không xa lạ gì đối với các nước phát triển, nhưng lại là một hiện tượng mới ở các nước có nền kinh tế chuyển đổi từ kế hoạch hóa tập trung sang kinh tế thị trường như ở Việt Nam. Quá trình chuyển đổi đã làm bùng phát nhiều mối quan hệ thị trường phức tạp trên cơ sở nền kinh tế đa thành phần, đa sở hữu, cộng với sự non trẻ và thiếu kinh nghiệm của một thể chế quản lý mới... tất cả đã tạo điều kiện hình thành một khu vực kinh tế không nhỏ, nhưng hoàn toàn nằm ngoài sự quản lý của Nhà nước. Kinh tế ngầm là một phần của khu vực đó. Kinh tế ngầm phát triển gây ảnh hưởng rất lớn tới môi trường kinh doanh nói riêng và sự phát triển kinh tế nói chung. Không những thế, kinh tế ngầm còn là "cái ung" chứa đựng những vấn đề xã hội nhức nhối như: tệ nạn, buôn lậu, trốn thuế, lừa đảo... và đặc biệt là tham nhũng. Tuy nhiên, cho đến nay, ở Việt Nam, vấn đề này vẫn chưa được quan tâm nghiên cứu đúng mức. Vì vậy, bài viết dưới đây tập trung làm rõ một số vấn đề về kinh tế ngầm và vị trí của nó trong nền kinh tế quốc dân.

1. Đôi điều về lịch sử nghiên cứu kinh tế ngầm

Kinh tế ngầm (Hidden Economy) bắt đầu được nhắc tới nhiều vào những năm 30 của thế kỷ 20, khi các tổ chức tội phạm có tổ chức (mafia) Ý tấn công vào nền kinh tế Mỹ. Lúc đó, *kinh tế ngầm* đồng nghĩa với các hoạt động phạm pháp của mafia, chủ yếu liên quan đến sản xuất vận chuyển buôn bán hàng quốc cấm. Từ đó đến nay, kinh tế ngầm đã có sự dịch chuyển đáng kể từ khu vực tội phạm hình sự sang khu vực kinh tế, xã hội. Nếu những năm 30, các nghiên cứu về kinh tế ngầm chỉ đề cập đến khía cạnh hình sự thì đến những năm 70 các nhà kinh tế đã thực sự vào cuộc. Tác giả của một trong những nghiên cứu đầu tiên về lĩnh vực này là nhà khoa học Mỹ-P. Gutmann.

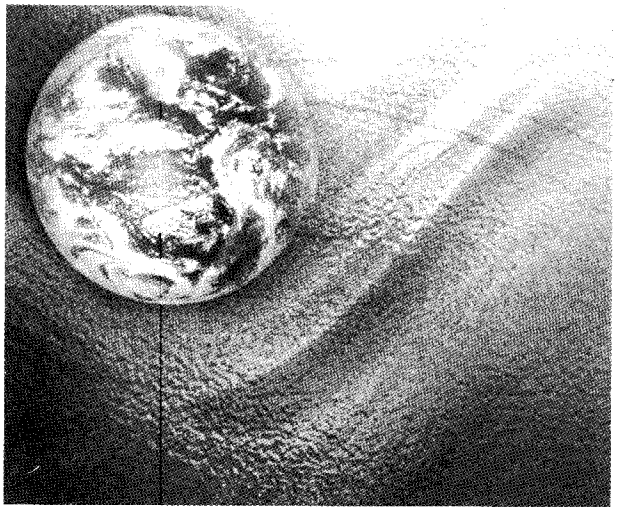

Trong bài báo mang tên *"The Subterranean Economy"*[1] (kinh tế chìm) ông đã chứng minh một cách hết sức thuyết phục rằng, không thể không tính đến sự tồn tại của các hoạt động kinh tế ngầm. Từ thời điểm này, bắt đầu xuất

(1) *Gutmann P.M.* The Subterranean Economy // Financial Analysts Journal. 1977. November - December.

hiện nhiều tác phẩm nghiên cứu sâu về kinh tế ngầm với các tên tuổi: Carter M., Kaufmann D., Kaliberda A[2] và nhiều người khác. Có thể chia các nghiên cứu này thành hai nhóm lớn: các nghiên cứu về kinh tế ngầm tại các nước phát triển và các nghiên cứu về kinh tế ngầm tại các nước đang và kém phát triển. Điểm khác biệt cơ bản trong cách tiếp cận của hai nhóm này xuất phát từ bản chất khác nhau của các hoạt động ngầm. Với các nước phát triển, khu vực kinh tế ngầm được xem như là một phần còn bỏ sót, cần tính thêm của nền kinh tế quốc dân. Còn đối với các nước thứ ba, khu vực này lại được xem là một phần không thể thiếu, không thể tách rời của nền kinh tế chung.

Bắt đầu từ những năm 1980, người ta thường xuyên tổ chức các hội thảo quốc tế về kinh tế ngầm. Nội dung của các cuộc hội thảo này bàn rất nhiều về vấn đề khác nhau như: Làm thế nào để đánh giá, thống kê độ lớn của khu vực kinh tế ngầm? Kinh tế ngầm ở nền kinh tế thị trường và kinh tế kế hoạch hóa tập trung giống và khác nhau ra sao?... Ví dụ trong công trình nghiên cứu của *Ofer G., Vinokur A. (1980)*, các tác giả còn chỉ ra rằng khu vực kinh tế ngầm ở các nước kinh tế kế hoạch hóa tập trung chỉ chiếm 3-4% GDP, nhỏ hơn rất nhiều so với các nước phát triển kinh tế thị trường[3]. Năm 1991, tại Geneve đã diễn ra Hội thảo của các nhà thống kê châu Âu về kinh tế phi chính qui và kinh tế ngầm. Kết quả của cuộc hội thảo này đã được in thành một *Bản hướng dẫn* có tính chất tham khảo dùng để đánh giá khu vực kinh tế ngầm trong các nước có nền kinh tế thị trường.

Trong lĩnh vực thống kê, từ những năm hai mươi của thế kỷ trước, trên thế giới có hai hệ thống thông tin kinh tế - xã hội tổng hợp: 1) hệ thống Bảng cân đối kinh tế quốc dân (Material Product System - MPS) được vận dụng ở các nước xã hội chủ nghĩa trước đây, trong đó có Việt Nam; 2) hệ thống Tài khoản quốc gia (System of National Accounts - SNA) được vận dụng ở hầu hết các nước còn lại. Cả hai hệ thống thông tin kinh tế - xã hội tổng hợp trên cùng có mục đích phản ánh quá trình tái sản xuất xã hội của mỗi quốc gia dựa trên cơ sở thu thập, xử lý và tổng hợp thông tin vĩ mô, qua đó phản ánh điều kiện sản xuất, kết quả sản xuất, quá trình phân phối thu nhập, mối quan hệ giữa các ngành kinh tế trong quá trình sản xuất và sử dụng cuối cùng kết quả sản xuất của nền kinh tế quốc dân. Tuy có chung một mục đích nhưng về bản chất hai hệ thống này được xây dựng trên nền tảng lý luận thuộc các trường phái kinh tế - chính trị khác nhau dẫn đến phương pháp luận tính toán cũng khác nhau[4]. Tuy nhiên, từ khi hệ thống xã hội chủ nghĩa tan rã vào những năm 1990, thì hầu hết các nước đều chuyển sang dùng hệ thống SNA thống nhất.

(2) *Carter M.* Issues in the hidden economy: A Survey // Economic record. Parkville, 1984. V.60.#170. *Gutmann P.M.* The grand unemployment illusion // Journal of the institute for Socioeconomic Studies. 1979.V.4. #2. *Kaufmann D., Kaliberda* A. Integrating the unofficial economy into the dynamics of postsocialist economies: a framework of analysis and evidence / Economic transition in Russia and the new states of Eurasia. Armonk, NY.: M.E. Sharpe, Inc.

(3) Ofer G., Vinokur A. The Soviet Household under the Old Regime: Economic Conditions and Behavior in the 1970. Cambridge University Press, p.84.

(4) Lê Văn Toàn (Chủ biên) và các tác giả khác. *Phương pháp biên soạn Hệ thống tài khoản quốc gia (SNA) ở Việt Nam*, Hà Nội: Tổng cục Thống kê, Hà Nội, tr. 5

Ở Việt Nam, trong khoảng thời gian 1989-1992 ngành Thống kê được sự tài trợ của Cơ quan Thống kê Liên hợp quốc đã tiến hành nghiên cứu và vận dụng SNA. Ngày 25/12/1992 Thủ tướng Chính phủ đã ra quyết định số 183/TTg về việc Việt Nam chính thức áp dụng SNA và tính chỉ tiêu Tổng sản phẩm nội quốc trên phạm vi cả nước, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, thay cho MPS và chỉ tiêu Thu nhập quốc dân đã thực hiện trong thời gian trước đây.

Có điểm đáng lưu ý là, dù ra đời từ rất sớm nhưng trước phiên bản SNA93, hệ thống Tài khoản quốc gia SNA không có các chỉ dẫn để đánh giá khu vực kinh tế không chính thức, đặc biệt là kinh tế ngầm. Vì sao lại như vậy? Có hai lý do chính. *Thứ nhất*, vào thời điểm những năm 1980 trở về trước, trong nền kinh tế của các nước đóng vai trò chủ chốt trong việc soạn thảo SNA, ảnh hưởng của khu vực kinh tế ngầm chưa đủ lớn, chưa có dấu hiệu gây hại nghiêm trọng đến sự phát triển kinh tế quốc gia. *Thứ hai*, các nhà soạn thảo chưa thể thống nhất được về cách tiếp cận cũng như phương pháp luận để đánh giá độ lớn của khu vực kinh tế này, trong khi kinh nghiệm thực tế gần như chưa có gì. Chính vì vậy, phải đợi tới phiên bản SNA93 (ra đời vào năm 1993) người ta mới đưa ra được hướng dẫn tương đối hoàn chỉnh về việc định lượng các khu vực kinh tế nằm ngoài nền kinh tế chính thống, trong đó có kinh tế ngầm. Do đó, hệ thống này về sau đã trở thành nền tảng phương pháp luận cơ bản để tiến hành đánh giá khu vực kinh tế ngầm.

2. Cấu trúc của các khu vực kinh tế trong nền kinh tế quốc dân

Như vậy, muốn hiểu và xác định được một cách rõ ràng hơn về khái niệm kinh tế ngầm, trước hết cần có cách nhìn tổng quát về các khu vực của một nền kinh tế quốc dân, phân tích được các mối liên hệ cơ bản, ranh giới giữa các khu vực này. Tuy nhiên, mỗi quốc gia đều có những đặc điểm và cấu trúc kinh tế khác nhau, do đó đã dẫn đến sự đa dạng và khác biệt trong nhiều cách tiếp cận. Bản thân khái niệm kinh tế ngầm (hidden economy) cũng có nhiều khái niệm tương đồng khác, ví dụ kinh tế bóng đen (shadow economy); kinh tế chìm (underground economy); kinh tế đen (black economy); kinh tế vô hình (invisible economy)... Cho đến nay, trên thế giới cũng như ở Việt Nam, chưa có một công trình nào đi sâu nghiên cứu bản chất của các thuật ngữ này để phân biệt chúng với nhau. Dưới đây, xin được trình bày cách hiểu của chúng tôi về kinh tế ngầm dựa trên cách tiếp cận của Hệ thống tài khoản quốc gia - SNA93.

Cấu trúc của nền kinh tế quốc dân thông thường được chia làm hai phần rõ ràng nhất. *Một là,* khu vực kinh tế chính thức (Official Economy), bao gồm toàn bộ các hoạt động sản xuất - kinh doanh (kinh tế) phù hợp và không vi phạm pháp luật, không bị pháp luật nghiêm cấm. Hai là, khu vực kinh tế còn lại mà có thể gọi chung với tên gọi - khu vực phi chính thức (Unofficial Economy). Đây là khu vực hoạt động của nhiều loại hình kinh tế phức tạp, với nhiều nét đặc thù khác nhau, phụ thuộc rất nhiều vào trình độ phát triển kinh tế của từng quốc gia. Tuy nhiên, có thể thấy, cấu trúc của khu vực phi chính thức này nổi cộm lên ba nhóm hoạt động cơ bản. Đó là: 1) kinh tế phi chính qui (informal economy); 2) kinh tế ngầm (hidden economy); 3) kinh tế không được giám sát (non-observed economy) (xem Hình 1).

Hình 1. Cấu trúc của các khu vực kinh tế trong nền kinh tế quốc dân

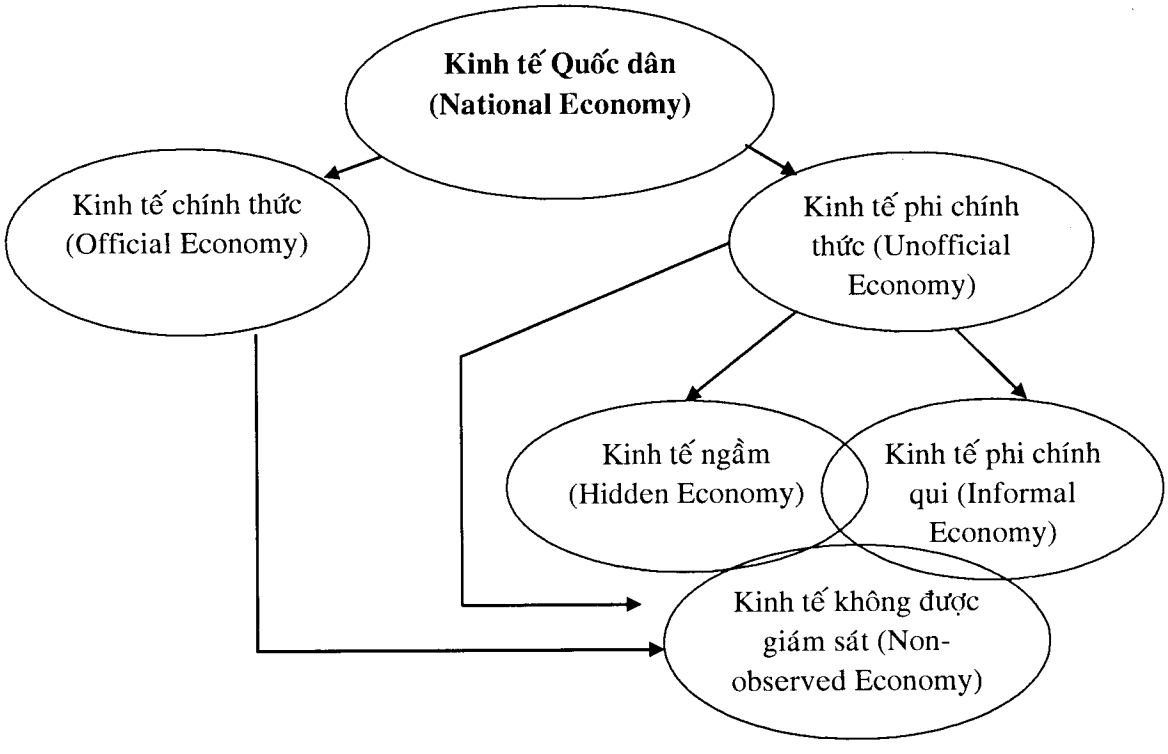

Mối quan hệ hữu cơ giữa ba khu vực kinh tế này được mô tả ở Hình 2 dưới đây. Như vậy, để làm rõ khái niệm kinh tế ngầm cùng lúc cần phải làm rõ các khái niệm nêu trên.

Hình 2. Mối quan hệ giữa các bộ phận trong khu vực kinh tế phi chính thức

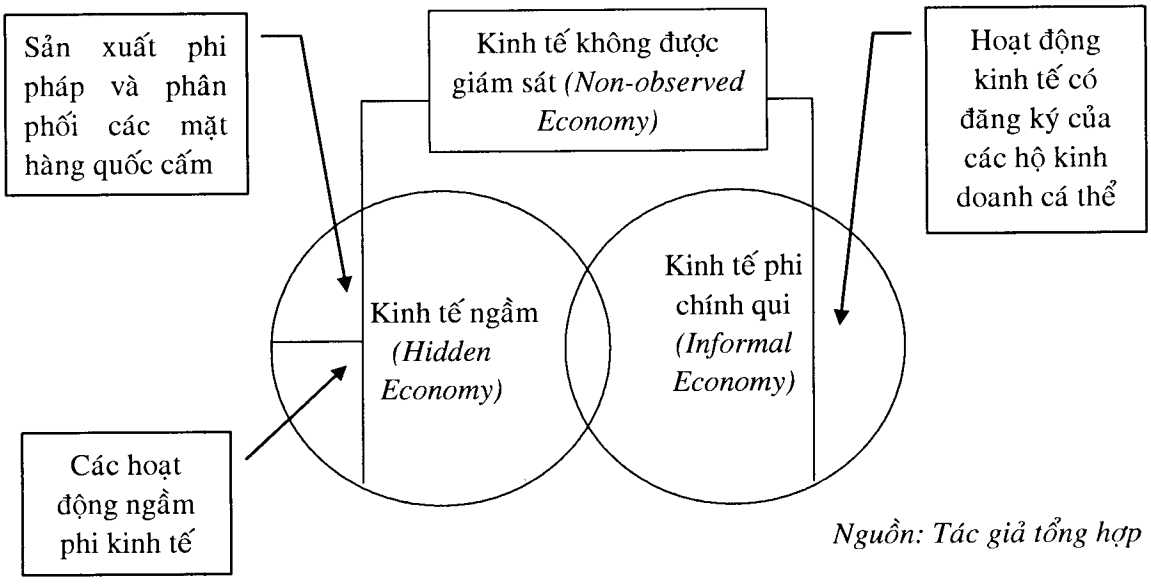

Nguồn: Tác giả tổng hợp

Tất nhiên, cách phân chia trên đây cũng chỉ mang tính tương đối. Tùy theo điều kiện thực tế và mục đích nghiên cứu, các nước hoặc các tổ chức thường đưa ra các quan niệm và cách phân chia khác nhau. Bảng 1 dưới đây tóm tắt một số quan điểm tiêu biểu về khu vực kinh tế phi chính thức.

Bảng 1. Tóm tắt quan niệm của các nước về khu vực kinh tế phi chính thức

STT	Các nước hoặc tổ chức	Nội dung
1.	Cộng hòa Liên Bang Đức	Khu vực phi chính qui ở các nước thế giới thứ ba là mảnh đất nuôi dưỡng hàng triệu con người muốn làm việc trong hệ thống kinh tế chính thức nhưng không tìm được việc làm ở đó.
2.	Liên minh châu Âu (EU)	Kinh tế chìm là khu vực kinh tế trốn thoát khỏi mạng lưới thống kê và không định lượng được.
3.	Hà Lan	Kinh tế không được giám sát là các hoạt động lẽ ra phải được liệt kê nhưng lại không liệt kê trong số liệu thống kê chính thức. Kinh tế ngầm là các hoạt động không báo cáo cơ quan tài chính và kinh tế bất hợp pháp là các hoạt động vi phạm pháp luật.
4.	Ấn Độ	Khu vực phi chính qui bao gồm các đơn vị không đăng ký và không được liệt kê chính thức, cũng như không rơi vào phạm vi hoạt động của pháp luật và quy định của nhà nước.
5.	Tổ chức Lao động Thế giới (ILO)	Khu vực phi chính qui là các đơn vị kinh tế có quy mô nhỏ, sản xuất và phân phối hàng hóa và dịch vụ do người lao động tự do, người lao động trong gia đình và một số ít người lao động khác đảm nhận. Đặc điểm của khu vực này là dễ thâm nhập, yêu cầu về vốn thấp, sử dụng công nghệ và kỹ năng đơn giản, năng suất lao động thấp.
6.	Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD)	Kinh tế ngầm được sử dụng để biểu thị tất cả các hoạt động về nguyên tắc phải được tính vào GDP nhưng thực tế lại không tính được do chúng được giấu giếm trước cơ quan nhà nước. Đó là hoạt động sản xuất hàng hóa và dịch vụ hợp pháp nhưng không khai báo, sản xuất hàng hóa dịch vụ bất hợp pháp và thu nhập vô hình.
7.	Quan niệm của Ngân hàng Thế giới (WB)	Hoạt động phi chính thức là hoạt động mà giá trị gia tăng không được ghi nhận do các hãng hoặc cá nhân cố ý khai báo sai hoặc trốn tránh không khai báo.

Nguồn: Tác giả tổng hợp

3. Kinh tế ngầm và vị trí của nó trong nền kinh tế quốc dân

Như đã trình bày ở trên, khu vực kinh tế phi chính thức về cơ bản là kết quả tập hợp của ba khu vực kinh tế nhỏ hơn có mối quan hệ đan xen chặt chẽ. Đó là: khu vực phi chính qui, khu vực ngầm và khu vực không được giám sát. Dưới đây chúng ta sẽ tìm hiểu rõ hơn về bản chất của 3 khu vực này.

Khu vực Kinh tế phi chính qui (Informal Economy). Đây được gọi là tầng tự nhiên của khu vực kinh tế phi chính thức (nằm ngoài sự kiểm soát của nhà nước), bao gồm các hoạt động sản xuất - kinh doanh có qui mô nhỏ, rất nhỏ với điều kiện thô sơ, vốn thấp, sử dụng lao động là chính. Do đó năng suất thấp, cung cấp sản phẩm với giá cả chất lượng thấp, khối lượng nhỏ (buôn bán nhỏ, phục vụ gia đình, phục vụ nhân lực cho hoạt động xây dựng, vận tải chính qui, hụi, họ, sửa chữa nhỏ...)[5]. Tóm lược cấu trúc của khu vực phi chính qui được thể hiện ở Hình 3.

Hình 3. Các hoạt động cơ bản trong khu vực kinh tế phi chính quy

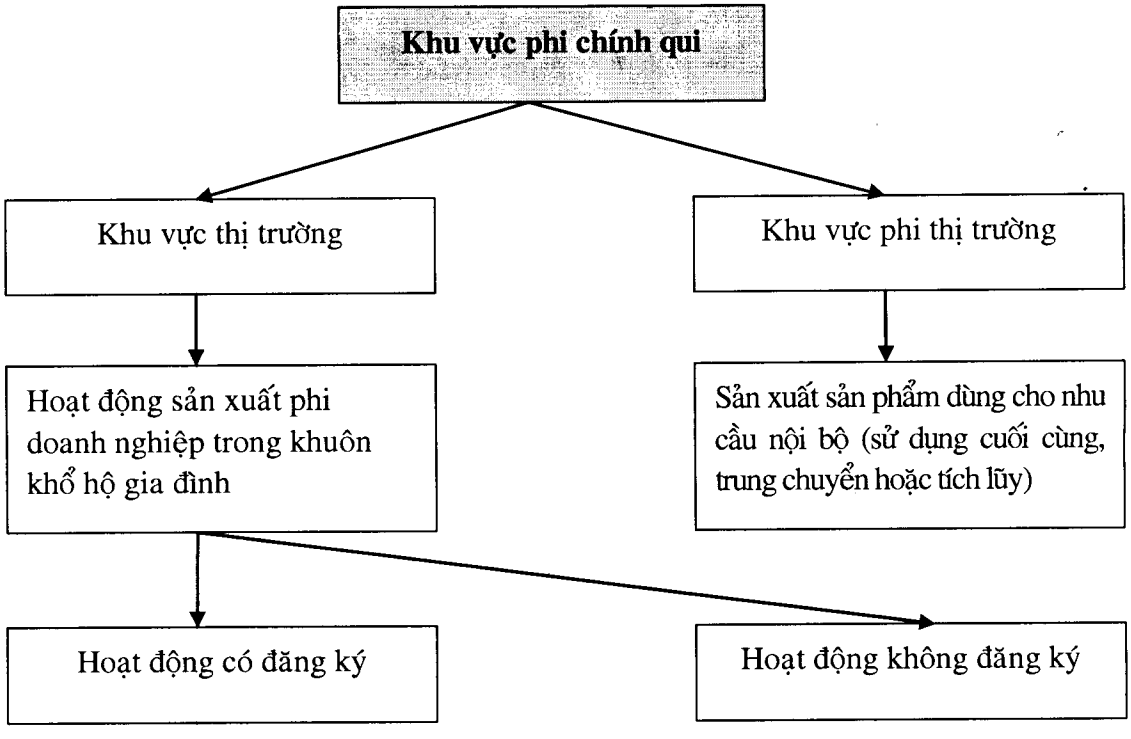

Nguồn: Tác giả tổng hợp

Kinh tế không được giám sát (Non-observed Economy). Khu vực kinh tế không được kiểm soát là một khu vực phức tạp, nằm trong phần giao thoa giữa kinh tế ngầm và khu vực phi chính qui. Nó bao gồm toàn bộ các hoạt động kinh tế chính thức và phi chính thức nhưng không đăng ký cộng với các hoạt động không chính thức phi thị trường (xem Hình 4).

(5) Lê Đăng Doanh, Nguyễn Minh Tú (1997), *Khu vực kinh tế phi chính quy: Một số kinh nghiệm quốc tế và thực tiễn Việt Nam trong quá trình chuyển đổi kinh tế,* Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, tr.60-61.

Hình 4. Mối quan hệ của khu vực kinh tế không được giám sát với khu vực kinh tế chính thức và phi chính thức

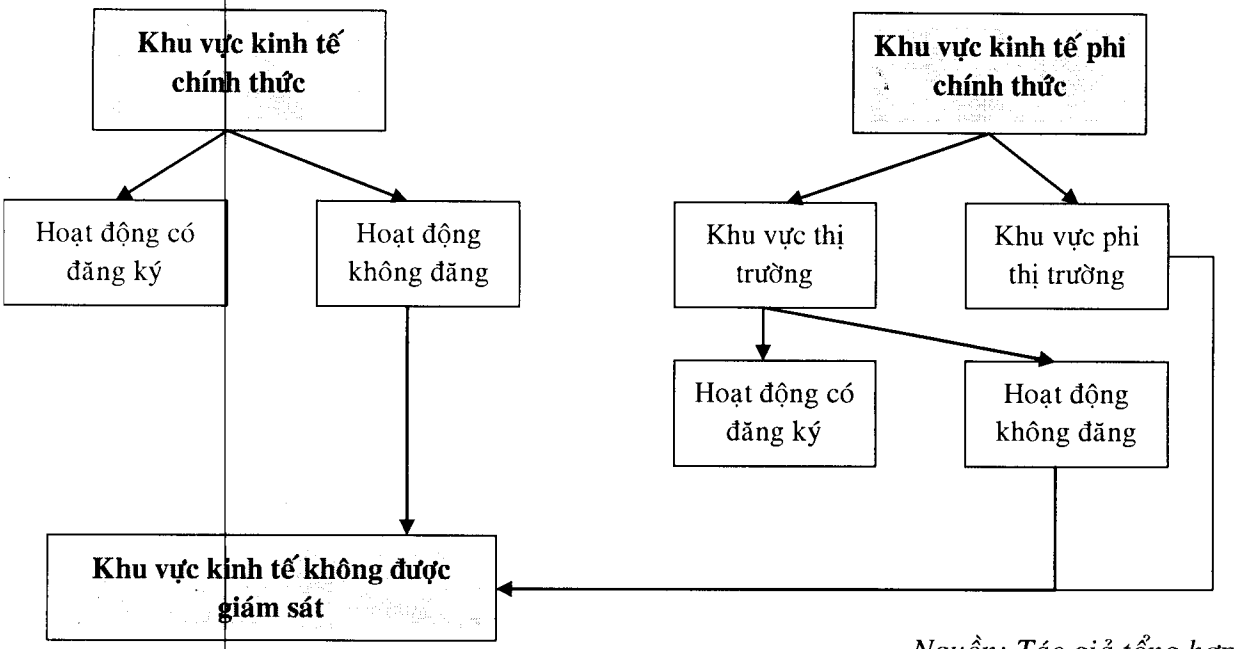

Nguồn: Tác giả tổng hợp

Như vậy, rõ ràng trong các hoạt động của phần kinh tế không được giám sát đã bao gồm một phần hoạt động kinh tế ngầm (hoạt động kinh tế hoặc phi kinh tế cố tình che dấu các cơ quan chức năng và hệ thống thống kê) và hoạt động phi chính thức (các hoạt động không đăng ký hoặc chưa được kiểm soát vì một lý do khách quan nào đó).

Kinh tế ngầm (Hidden Economy), còn được gọi với nhiều tên khác như: kinh tế bóng đen, kinh tế chìm, kinh tế bị che giấu, được xem là khu vực hoạt động sản xuất - kinh doanh vi phạm pháp luật một cách có ý thức. Nói cách khác, kinh tế ngầm được sử dụng để biểu thị tất cả các hoạt động về nguyên tắc phải được tính vào GDP nhưng thực tế lại không tính được do chúng được giấu diếm trước cơ quan nhà nước. Đó là các hoạt động kinh tế phi pháp (sản xuất hàng hóa và dịch vụ mà việc buôn bán, phân phối hoặc sở hữu chúng bị pháp luật ngăn cấm hoặc sản xuất hàng hóa và dịch vụ vốn hợp pháp nhưng trở nên phi pháp vì bản thân người sản xuất không có quyền làm việc đó); hoạt động sản xuất ngầm và các hoạt động phi kinh tế tạo thu nhập cố tình được giấu diếm để không phát hiện được (Hình 5).

Những phân tích ở trên cho thấy, khu vực kinh tế ngầm có một số hoạt động giao thoa với khu vực phi chính qui. Đó là khi các hoạt động phi chính qui đánh mất bản chất "tự nhiên" mà trở thành cố tình che dấu pháp luật và cơ quan quản lý nhằm mục đích thu lợi. Hơn nữa, khu vực kinh tế ngầm không chỉ có ở các hoạt động hộ gia đình mà còn có mặt ở nhiều khu vực kinh tế khác. Có thể tóm tắt một cách ngắn gọn các khái niệm cơ bản và dấu hiệu nhận diện các khu vực kinh tế trong bảng 2 dưới đây.

Hình 5. Các hoạt động cơ bản trong kinh tế ngầm

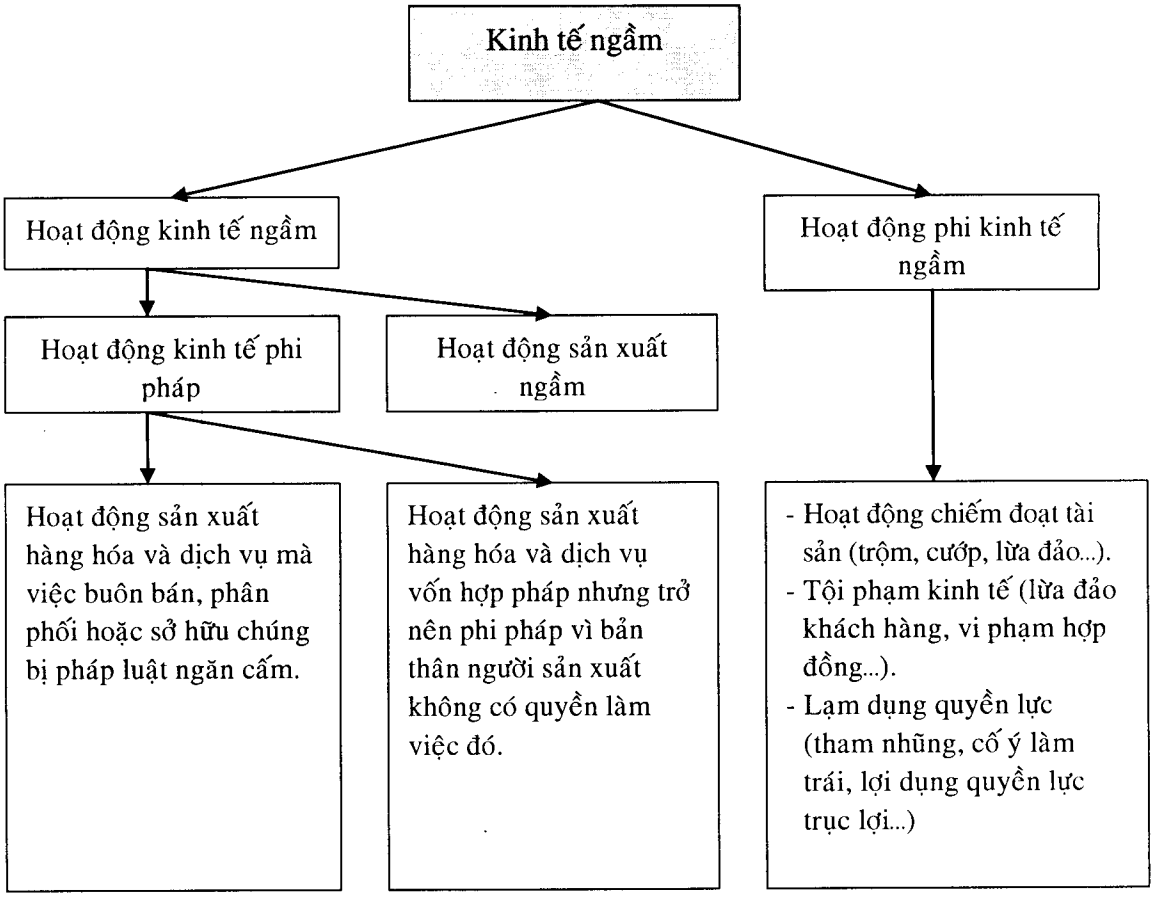

Bảng 2. Phân loại các khu vực kinh tế phi chính thức

STT	Khu vực kinh tế	Dấu hiệu nhận biết
1.	Kinh tế phi chính thức (Unoficial Economy)	Là toàn bộ các hoạt động không nằm trong các hoạt động chính thức
2.	Kinh tế phi chính qui (Informal Economy)	Các hoạt động sản xuất – kinh doanh có qui mô nhỏ, rất nhỏ với điều kiện thô sơ, vốn thấp, sử dụng lao động là chính. Do đó năng suất thấp, cung cấp sản phẩm với giá cả chất lượng thấp, khối lượng nhỏ (buôn bán nhỏ, phục vụ gia đình, phục vụ nhân lực cho hoạt động xây dựng, vận tải chính qui, hụi, họ, sửa chữa nhỏ...)
3.	Kinh tế không được giám sát (Non-observed Economy)	Toàn bộ các hoạt động kinh tế chính thức và phi chính thức nhưng không đăng ký cộng với các hoạt động không chính thức phi thị trường.
4.	Kinh tế ngầm (Hidden Economy)	Tất cả các hoạt động về nguyên tắc phải được tính vào GDP nhưng thực tế lại không tính được do chúng được giấu diếm trước cơ quan nhà nước. Đó là các hoạt động sản xuất hàng hóa và dịch vụ hợp pháp nhưng không khai báo; hoạt động sản xuất hàng hóa và dịch vụ bất hợp pháp và thu nhập vô hình (bị giấu không nhìn thấy được).

Như vậy, nghiên cứu về kinh tế ngầm là công việc không hề đơn giản. Vấn đề đã phức tạp ngay tại điểm khởi đầu: kinh tế ngầm là gì và nó bao gồm những hoạt động nào? Vị trí đích thực của nó trong nền kinh tế quốc dân? Có rất nhiều quan điểm, nhiều hướng tiếp cận, nhưng tác giả bài viết này quyết định lựa chọn cách tiếp cận của hệ thống Tài khoản quốc gia SNA93 vì mấy lý do. *Trước hết*, theo chúng tôi, đây cách tiếp cận thể hiện rõ tính hệ thống và đã được kiểm chứng qua thực tiễn. *Thứ hai*, hướng tiếp cận này đã đưa ra được một bức tranh tương đối rõ ràng về các khu vực kinh tế, đặc biệt là các thành phần cấu thành kinh tế ngầm. Có rõ ràng, rành mạch thì mới có thể triển khai đánh giá được. *Và cuối cùng*, chọn SNA93, cũng là một hình thức tạo động lực giúp hoàn thiện hệ thống thống kê của chúng ta hiện nay. Vấn đề quan trọng nhất lúc này là làm thế nào để nhận diện và đo lường được độ lớn của kinh tế ngầm trên thực tế? Ngầm có nghĩa là cố tình giấu diếm, không muốn công khai. Đo lường chính xác các hoạt động kinh tế công khai đã khó, huống hồ lại là không công khai. Đo lường như thế nào? Kết quả liệu có đáng tin cậy không? Làm sao để kiểm chứng và chúng ta sẽ dùng các kết quả đó để làm gì? Đây cũng chính là các câu hỏi mà chúng tôi sẽ cố gắng tìm câu trả lời trong bài viết tiếp theo với nhan đề *"Các phương pháp đo lường độ lớn của khu vực kinh tế ngầm"*.❑

Tài liệu tham khảo

1. Carter M. (1984). *Issues in the hidden economy: A Survey//* Economic record. Parkville, 1984. V.60.#170.
2. OECD, (2002). *Measuring the Non-Observed Economy.* OECD Publication. 2002. 240p.
3. Kaufmann D., *Kaliberda A. (2003). Integrating the unofficial economy into the dynamics of postsocialist economies: a framework of analysis and evidence* / Economic transition in Russia and the new states of Eurasia. Armonk, NY: M.E. Sharpe, Inc.
4. Lê Đăng Doanh, Nguyễn Minh Tú (1997), *Khu vực kinh tế phi chính quy: Một số kinh nghiệm quốc tế và thực tiễn Việt Nam trong quá trình chuyển đổi kinh tế,* Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, tr.60-61.
5. Lê Văn Toàn (Chủ biên) và các tác giả khác (1998). *Phương pháp biên soạn Hệ thống tài khoản quốc gia (SNA) ở Việt Nam,* Tổng cục Thống kê, Hà Nội, tr. 5
6. Nguyễn Văn Minh và nhóm nghiên cứu (2008), *Đánh giá ảnh hưởng của khu vực kinh tế ngầm tới sự phát triển của nền kinh tế quốc dân,* Đề tài nghiên cứu khoa học cấp Bộ Giáo dục và Đào tạo - mã số B2007-18-09, Trường Đại học Ngoại thương.
7. Рябушкин Б.Т., Чурилова Э.Ю. *Методы оценки теневого и неформального секторов экономики.* М.: Финансы и статистика, 2003